

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 7 - 2018

V/v: “Xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sầm Dất Phấn và bà Trần Thị H

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2018 về việc “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Mỹ H - sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 1181/D, ấp N, xã P, huyện Q., tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh NGUYỄN VĂN P - sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Q., tỉnh Đ.

(Chị H có mặt, anh P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2018, bản tự khai ngày 13/3/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị Mỹ H trình bày:

Năm 2011, chị và anh P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Đ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 1172011, quyền số 02/2010 ngày 26/7/2011.

Sau khi kết hôn, anh P thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn nên cuộc sống của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng gay gắt, trầm trọng. Hai vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải; hai bên gia đình khuyên nhủ, xây dựng hạnh phúc nhưng vợ chồng chị không thể hòa thuận được. Từ tháng 10/2017 đến nay, vợ chồng

chị đã sống ly thân nhau; quá trình sống ly thân, chị và anh P không còn quan tâm mà bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, chị không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn P.

Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung H – sinh ngày 18/12/2012 hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý số 88/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2018 cho anh P theo quy định của pháp luật nhưng anh Nguyễn Văn P không có ý kiến trả lời. Tòa án đã triệu tập anh đến Tòa án để làm việc, đề tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P không chấp hành triệu tập của Tòa án.

- *Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Đề nghị giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P. Không giải quyết về tài sản. Chị H phải chịu tiền án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn P cư trú tại ấp T, xã P, huyện Q, tỉnh Đ nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Q có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.2] Về tư cách đương sự: Chị Lâm Thị Mỹ H khởi kiện anh Nguyễn Văn P nên chị H là nguyên đơn, anh P là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Xin ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự: anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn P tự nguyện kết hôn; hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa P (Bút lục 35, 36) thể hiện quá trình sống chung vợ chồng chị H và anh P thường cãi vã, xô xát và hiện đã sống ly thân nhau. Do đó, hội đồng xét xử nhận thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh P đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn nhưng cả hai người không đưa ra giải pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình mà tự chấm dứt cuộc sống chung. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Tuy nhiên, kể từ tháng 10/2017 đến nay, chị H và anh P không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng mà bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Tòa án đã nhiều lần mời anh P đến để hòa giải, hàn gắn tình cảm cho hai người nhưng anh P không chấp hành; điều đó thể hiện anh P không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh P đã trầm trọng; cuộc sống chung không còn; mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn với anh P là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2] Con chung giữa chị Lâm Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn P là cháu Nguyễn Trung H – sinh ngày 18/12/2012; hiện cháu đang sống chung với chị H.

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị H là người có đạo đức, nhân cách tốt; có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn phải sống ly thân thì chị H chăm sóc con chu đáo... nên có cơ sở tin cậy rằng nếu tiếp tục giao các con chung cho chị H thì cháu H sẽ tiếp tục được chăm sóc tốt, phát triển bình thường. Do đó, để tránh xáo trộn đời sống, tâm lý và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh P có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung anh P, chị H có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị Lâm Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lâm Thị Mỹ H và bị đơn anh Nguyễn Văn P được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung H – sinh ngày 18/12/2012 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn P do chị Lâm Thị Mỹ H không yêu cầu.

Anh P có quyền thămm chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh P và chị H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng: Chị Lâm Thị Mỹ H phải chịu . Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 004738 ngày 02/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lâm Thị Mỹ H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu.

Lê Xuân Hòa